

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2026

V/v “Ly hôn, t/c nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dế

Ông Bùi Văn Diên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Cương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Kim G, sinh năm 1993; CCCD số: 080193015564; Địa chỉ: Số E, Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh. (*xin vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1991; CCCD số: 087091013670; Địa chỉ: Số E, Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2026, nguyên đơn là chị Lương Thị Kim G trình bày tóm tắt như sau: Chị G và anh T kết hôn ngày 02/10/2017 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 02/10/2017. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/9/2018 và Nguyễn Ngọc Minh H1, sinh ngày 09/4/2021. Chị G cho rằng trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nên nộp đơn ra Tòa án yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị G xác định chị G và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị G xác định chị G và anh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra chứng cứ ngày 12/3/2026, chị G trình bày bổ sung như sau: Chị G và anh T tự quen biết, tìm hiểu được khoảng 01 năm thì quyết định tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/10/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống bên gia đình chị G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/9/2018 và Nguyễn Ngọc Minh H1, sinh ngày 09/4/2021. Đến tháng 01/2026, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh T nghi ngờ chị G ngoại tình và còn mâu thuẫn về chuyện quản lý tiền bạc, công việc làm ăn của gia đình. Hai bên có ngồi lại trao đổi với nhau, nhưng anh T không chịu nghe chị G giải thích mà có hành vi đánh đập, chửi mắng chị G, còn đến chỗ làm của chị G gây rối làm ảnh hưởng uy tín, danh dự, nhân phẩm của chị G. Do đó, chị G nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Trước đây theo đơn ly hôn, chị G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, nhưng sau này do cháu H có nguyện vọng muốn sống chung với cha nó, nên nay chị G xác định khi ly hôn chị G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Minh H1, sinh ngày 09/4/2021 (hiện đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc). Đối với con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/9/2018 (hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc) thì chị G đồng ý để anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G xác định để 02 bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2026, chị G xin thay đổi ý kiến về người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn như sau: Theo đó, khi ly hôn, chị G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, với lý do là anh T không có công việc ổn định, không lo cho các con được đi học đúng trường, thường xuyên cho các con nghỉ học, không lo chu đáo cho các con.

Bị đơn là anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của chị G, nhưng anh T không gửi cho Tòa án bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị G.

Theo nội dung bản tự khai ngày 30/01/2026, cháu Nguyễn Minh H có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do bị đơn là anh Nguyễn Minh T không đến tham gia phiên họp, nên Tòa án chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được. Sau đó, nguyên đơn là chị Lương Thị Kim Giàu C đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn là chị Lương Thị Kim G vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp về quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: chị G và anh T cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/10/2017, số 74, nên quan hệ hôn nhân của chị G và anh T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị G thấy rằng: Căn cứ các ý kiến trình bày của chị G, sự không phản đối của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị G, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh T trong cuộc sống hôn nhân là có thật. Khi chị G yêu cầu ly hôn, anh T không thể hiện thiện chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn, chị G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Anh T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung của chị G. Cháu Nguyễn Minh H (trên 07 tuổi) có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho chị G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị Kim G được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về quyền nuôi con chung: Chị Lương Thị Kim G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 05/9/2018 và Nguyễn Ngọc Minh H1, sinh ngày 09/4/2021. Trường hợp khi bản án có hiệu lực pháp luật, mà những người con chung này đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, thì chị Giàu có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành quyết định của Tòa án về việc buộc anh T thực hiện nghĩa vụ giao con chung lại cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Giàu có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định của pháp luật. Chị G cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh T.

4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của cháu H, cháu H1, thì chị G, anh T, người thân thích của cháu H, cháu H1, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Lương Thị Kim G phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai thu số 0003040 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Tây Ninh thực hiện theo ủy quyền) sang thi hành án phí, nên chị G không phải nộp tiếp.

6. Án xử sơ thẩm công khai, chị G, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
(gửi qua Phòng THADS KV5)
- UBND xã Tân Trụ (để ghi chú ly hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Trần Văn Khánh**